



TỰ LUẬN TRIẾT

Triết học mác - Lênin (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

Câu 1: Anh (Chị) hãy phân tích nội dung định nghĩa vật chất của V.I.Lênin và rút ra ý nghĩa của định nghĩa này. (Chương 2 page 61)

- **Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin:** “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”.
- **Phân tích:**
 - + *Vật chất là một phạm trù triết học:* tức là phạm trù rộng nhất, khái quát nhất. Thông thường chúng ta luôn nhắc đến vật chất như một vật dụng, một tài sản của con người. Tuy nhiên, trong định nghĩa vật chất của Lênin thì nó lại là kết quả của sự khái quát hoá, trừu tượng hoá các thuộc tính, các mối liên hệ của sự vật, hiện tượng. Nên nó phản ánh cái chung, vô hạn vô tận, không sinh ra và không mất đi. Do đó không thể đồng nhất các vật chất với một hay một số dạng có biểu hiện cụ thể của vật chất được.
 - + *Vật chất dùng để chỉ thực tại khách quan:* Vật chất tồn tại khách quan trong hiện thực, bên ngoài ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người. "Tồn tại khách quan" chính là thuộc tính cơ bản của vật chất; là tiêu chuẩn để có thể phân biệt được cái gì là vật chất, cái gì không phải là vật chất. Con người có nhận thức được hay không thì vật chất cũng vẫn luôn tồn tại.
 - + *Vật chất đem lại cho con người trong cảm giác:* được cảm giác của chúng ta sao chép lại, chụp lại, phản ánh lại và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác. Có thể hiểu rằng vật chất chính là cái có thể gây nên cảm giác ở con người. Khi nó trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến các giác quan thì ý thức chính là sự phản ánh vật chất, còn vật chất lại là cái được ý thức phản ánh.
- **Ý nghĩa:**
 - + Giải quyết một cách đúng đắn và triệt để cả hai mặt vấn đề cơ bản của triết học
 - + Khắc phục hạn chế của CNDV cũ; bác bỏ CNDT, thuyết bất khả tri luận
 - + Khắc phục khủng hoảng, đem lại niềm tin trong KHTN
 - + Tạo tiền đề xây dựng quan điểm duy vật về xã hội và lịch sử loài người
 - + Là cơ sở để xây dựng nền tảng vững chắc cho sự liên minh ngày càng chặt chẽ giữa triết học DVBC với khoa học

CÂU 2: Anh (Chị) hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Nêu ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu mối quan hệ này. (Chương 2 page 88)

*** Khái niệm:**

- **Vật chất:** là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.
- **Ý thức:** là một phạm trù song song với phạm trù vật chất, theo đó ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất khách quan vào bộ óc con người và có sự cải biến và sáng tạo. Ý thức có mối quan hệ hữu cơ với vật chất.

*** Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức:** Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, *vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong đó vật chất quyết định ý thức, còn ý thức tác động tích cực trở lại vật chất.*

● **Vật chất quyết định ý thức:**

- + Thứ nhất, vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức
- + Thứ hai, vật chất quyết định nội dung của ý thức
- + Thứ ba, vật chất quyết định bản chất của ý thức
- + Thứ tư, vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức

VD: Tục ngữ có câu “có thực mới vực được đạo”, nghĩa là có ăn uống đầy đủ thì mới có sức để đi theo đạo, hoàn cảnh sẽ quyết định lối suy nghĩ, đời sống vật chất phải được đáp ứng thì chúng ta mới hướng tới đời sống tinh thần. Điều này đã chứng minh cho quan niệm vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức???

● **Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động tích cực trở lại vật chất:**

- Thứ nhất, ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong đầu óc con người nhưng khi ra đời thì ý thức có “đời sống” riêng, không lệ thuộc máy móc vào vật chất mà tác động trở lại thế giới vật chất.
- Thứ hai, sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nhờ hoạt động thực tiễn, ý thức có thể làm biến đổi những điều kiện, hoàn cảnh vật chất để phục vụ cho cuộc sống con người.
- Thứ ba, vai trò của ý thức thể hiện ở chỗ chỉ đạo hoạt động, hành động của con người, nó có thể quyết định hoạt động của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại. Ý thức không trực tiếp tạo ra hay làm thay đổi thế giới mà nó trang bị cho con người tri thức về hiện tượng khách quan để con người xác định mục tiêu, kế hoạch, hành động nên làm. Sự tác động của ý thức đối với vật chất diễn ra theo hai hướng:
 - + Tích cực: Khi phản ánh đúng đắn hiện thực, ý thức sẽ là động lực thúc đẩy vật chất phát triển.
 - + Tiêu cực: Khi phản ánh sai lệch hiện thực, ý thức có thể kìm hãm sự phát triển của vật chất.

- *Thứ tư*, xã hội càng phát triển thì vai trò của ý thức ngày càng to lớn, nhất là trong thời đại ngày nay, khi mà tri thức khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

VD: Có nhận thức đúng đắn về thực tế kinh tế đất nước, từ sau Đại hội VI, Đảng ta chuyển nền kinh tế tự cung, quan liêu sang nền kinh tế thị trường để phát triển đất nước như hôm nay. Điều này cho thấy ý thức đã phản ánh được thực tiễn và đưa ra mục tiêu, phương hướng để tác động lại vật chất, tạo sự phát triển cho vật chất

*** Ý nghĩa phương pháp luận:**

- Tôn trọng nguyên tắc khách quan, chống chủ nghĩa chủ quan, bệnh chủ quan duy ý chí, chủ nghĩa duy vật tầm thường, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa khách quan.

VD: Xã hội ngày càng phát triển, hội nhập quốc tế vì thế Tiếng Anh trở thành một công cụ rất cần thiết. Xuất phát từ hiện thực khách quan này ngày càng nhiều người đổ xô đi học T.A và ngày càng nhiều trung tâm T.A mọc lên

- Phát huy tính năng động chủ quan và chống thụ động, ỷ lại, ngồi chờ, bảo thủ, trì trệ,...

VD: Khi tham gia thảo luận nhóm, phải lắng nghe và tiếp thu những điều hay mà các thành viên góp ý cho mình để hoàn thành công việc theo kế hoạch. Hay khi đăng ký học phần, không nên chủ quan vào năng lực của mình mà đăng ký quá nhiều môn tránh cho bản thân không kham nổi.

Câu 3: Anh (Chị) hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức. Nêu ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này và liên hệ với vấn đề “trí tuệ nhân tạo” hiện nay. (Chương 2 page 77, 87)

- Theo quan điểm của Triết học Mác-Lênin, ý thức là sự phản ánh chân thật thế giới khách quan vào bộ óc người. Nó có sự thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử. Từ đó, ý thức tác động vào sự đổi mới và tạo động lực phát triển của xã hội. Ý thức có mối quan hệ biện chứng với vật chất.

a) NGUỒN GỐC Ý THỨC:

- Thế giới khách quan tác động trực tiếp vào bộ não người để tạo ra khả năng hình thành ý thức. Có hai nguồn tác động trực tiếp vào ý thức bao gồm:
 - + **Nguồn gốc tự nhiên:** Có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc tự nhiên của ý thức, song có hai yếu tố căn bản nhất là: bộ óc người và mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan tạo nên hiện tượng phản ánh năng động, sáng tạo.
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng: ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc con người. Vì vậy, nếu bộ óc càng hoàn thiện, ý thức của con người càng sâu sắc; ngược

lại, nếu bộ óc bị tổn thương thì ý thức con người sẽ không hoàn chỉnh, thậm chí rối loạn.

- Sự hình thành ý thức còn bắt nguồn từ mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, tạo ra hiện tượng phản ánh năng động, sáng tạo.
- + **Nguồn gốc xã hội:** Nguồn gốc xã hội là điều kiện quyết định cho sự ra đời ý thức, nó bao gồm hai yếu tố chủ yếu là lao động và ngôn ngữ.
 - Lao động là quá trình con người tác động vào giới tự nhiên nhằm cải tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Có thể nói, ý thức hình thành chủ yếu là do hoạt động của con người trong việc cải tạo thế giới khách quan.
 - Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức, nó là cái vỏ vật chất của tư duy; không có ngôn ngữ, ý thức không thể tồn tại và thể hiện.
 - Vậy, nguồn gốc trực tiếp quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động, là thực tiễn xã hội. Ý thức phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người thông qua lao động, ngôn ngữ và các quan hệ xã hội. Ý thức là sản phẩm xã hội, là một hiện tượng xã hội.

b) **BẢN CHẤT Ý THỨC:** Bản chất của ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan và là một hiện tượng xã hội mang bản chất xã hội

- + **Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan của bộ óc CN**
 - Ý thức định hướng tiếp nhận, chọn lọc, lưu giữ, xử lý, cải biến thông tin... đưa ra những ý tưởng, giả thuyết;
 - Ý thức nắm bắt bản chất, quy luật khách quan, xây dựng các mô hình tư tưởng, tri thức dành cho hoạt động của CN.
- + **Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan**
 - Nội dung, hình thức biểu hiện của ý thức do thế giới khách quan quy định nhưng đã cải biến thông qua lăng kính chủ quan của CN. Ý thức "chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi trong đó".
- + **Ý thức là một hiện tượng XH và mang bản chất XH**
 - Hoạt động thực tiễn của XH đã đưa đến ra đời và tồn tại của ý thức;

- Quy luật, nhu cầu, điều kiện XH chi phối nội dung và hình thức ý thức;
- Với tính năng động, ý thức sáng tạo lại hiện thực trên cơ sở và theo nhu cầu của thực tiễn XH cung cấp.

c) Liên hệ phân AI:

AI cũng phản ánh thế giới khách quan thông qua dữ liệu và thuật toán, tương tự như cách óc người phản ánh thế giới khách quan để tạo ra ý thức. Tuy nhiên, AI không có khả năng tự nhận thức hay tự ý thức như con người. AI chỉ hoạt động dựa trên những gì đã được lập trình và học hỏi từ dữ liệu, không có khả năng tự tạo ra ý thức hay cảm xúc. AI cũng không thể thay thế vai trò của con người trong xã hội, bởi vì AI không có khả năng sáng tạo, tư duy phê phán, và hiểu biết về giá trị nhân văn như con người.

d) Ý nghĩa việc nghiên cứu:

- Ý thức là cơ sở để phân biệt giữa con người và động vật, bởi chỉ có con người mới có ý thức.
- Sự ra đời của ý thức đã khẳng định vật chất là nguồn gốc khách quan, là cơ sở sản sinh ra ý thức, còn ý thức chỉ là sản phẩm, là sự phản ánh thế giới khách quan ---> Trong nhận thức và hành động của con người thì phải xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng và hành động theo hiện thực khách quan.
- Ý thức chỉ đạo hoạt động, hành động của con người, phụ thuộc vào nội dung, tính chất và trình độ phản ánh thế giới khách quan mà ý thức có thể tác động trở lại thế giới khách quan theo các chiều hướng khác nhau.
- Tính năng động, sáng tạo của ý thức có vai trò rất to lớn khi mà ngày nay tri thức khoa học trở thành nòng cốt cho sự phát triển văn minh nhân loại.

Câu 4: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác - Lênin về nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. Nêu ý nghĩa pp luận của việc nghiên cứu nguyên lý này. (Chương 2 page 97)

- **Mối liên hệ:** là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự quy định, tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.

VD: mối liên hệ giữa con người vs MT, giữa hệ tuần hoàn vs hệ bài tiết...

- **Mối liên hệ phổ biến:** Dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ; chỉ những mối liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng của thế giới.

a) Tính chất của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến:

- **Tính khách quan:** Mối liên hệ là cái vốn có của bản thân sự vật, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Con người chỉ có thể nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.
- **Tính phổ biến:** Mối liên hệ không chỉ diễn ra ở mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy, mà còn diễn ra giữa các mặt, các yếu tố, các quá trình của mỗi sự vật, hiện tượng.

Tính đa dạng, phong phú: Mỗi sự vật, hiện tượng, quá trình khác nhau thì mối liên hệ khác nhau; một sự vật hiện tượng có nhiều mối liên hệ khác nhau (bên trong-bên ngoài, chủ yếu-thứ yếu,...), chúng giữ vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng đó; một mối liên hệ trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì tính chất, vai trò cũng khác nhau.

b) Nội dung nguyên lý mối liên hệ phổ biến:

Sự vật, hiện tượng luôn tồn tại trong nhiều mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, không chỉ giữa các sự vật hiện tượng mà còn giữa các thuộc tính của nó; nó đòi hỏi luôn có nhau nhưng không ngừng bài trừ lẫn nhau.

c) Ý nghĩa pp luận của việc nghiên cứu nguyên lý:

**Quán triệť quan điểm toàn diện:*

- Nhận thức sự vật trong mối liên hệ giữa các yếu tố, các mặt chính của sự vật và trong sự tác động giữa sự vật đó với các sự vật khác.
- Biết phân loại từng mối liên hệ, xem xét có trọng tâm, trọng điểm, làm nổi bật cái cơ bản nhất của sự vật, hiện tượng.
- Từ việc rút ra MLH bản chất của sự vật, ta lại đặt MLH bản chất đó trong tổng thể các MLH của sự vật xem xét cụ thể trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.
- Cần tránh phiến diện siêu hình và triệť trung, nguy biệť.

CÂU 5: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác- Lênin về nguyên lý về sự phát triển nêu ý nghĩa pp luận của việc nghiên cứu nguyên lý này. (Chương 2 page 100)

*** Khái niệm:**

- **Phát triển:** là phạm trù triết học dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở trình độ cao hơn.

VD: điện thoại thông minh nhiều đời ra đời thay thế cho loại điện thoại có bàn phím ngày trước hay còn biết đến với tên gọi là "cục gạch"

*** Tính chất:**

- **Tính khách quan:** Nguồn gốc của sự phát triển nằm trong chính bản thân SV-HT, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.
- **Tính phổ biến:** Sự phát triển diễn ra ở mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy
- **Tính đa dạng, phong phú:** Các SV-HT khác nhau có quá trình phát triển khác nhau. Một SV-HT trong những không gian, thời gian khác, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau thì sự phát triển cũng khác nhau.
- **Tính kế thừa:** Trong SV-HT mới giữ lại, có chọn lọc và cải tạo các yếu tố còn phù hợp, đồng thời gạt bỏ yếu tố tiêu cực, lỗi thời, lạc hậu của SV-HT cũ.

VD: Tính khách quan: Hạt lúa, hạt đậu khi có nước, đất, chất dinh dưỡng, ánh sáng dù không có con người nhưng nó vẫn phát triển.

Tính phổ biến: Mức sống của dân cư xã hội sau lúc nào cũng cao hơn so với xã hội trước.

*** Nội dung nguyên lý về sự phát triển:**

Khi xem xét sự vật, hiện tượng khách quan phải luôn đặt chúng vào quá trình luôn luôn vận động và phát triển (vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật).

*** Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu nguyên lý:**

- **Quán triệt quan điểm phát triển:**
 - + Khi xem xét sự vật hiện tượng phải luôn đặt nó trong khuynh hướng vận động, biến đổi, chuyển hóa nhằm phát hiện ra xu hướng biến đổi.
 - + Nhận thức sự vật hiện tượng trong tính biện chứng để thấy được tính quanh co, phức tạp của sự phát triển.
 - + Biết phát hiện và ủng hộ cái mới ; chống bảo thủ, trì trệ, định kiến.
 - + Biết kế thừa các yếu tố tích cực từ đối tượng cũ và phát triển sáng tạo chúng trong điều kiện mới.

VD: Việc cứ khăng khăng giữ cách học truyền thống như thầy giảng đến đâu ghi đến đó thì sẽ không mang lại kiến thức hay giá trị cho bản thân. Cần đổi mới phương pháp để có thể tiếp thu được nhiều nhất lượng kiến thức của bài học và đúc kết cho mình những kiến thức cô đọng sau mỗi buổi học.

Câu 6: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác- Lênin về quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại. Nêu ý nghĩa pp luận của việc nghiên cứu quy luật này. (Chương 2 page 114,115)

*** Khái niệm:**

- **Chất:** tính quy định vốn có của sự vật, đặc trưng cho sự vật, giúp phân biệt nó với sự vật khác.

VD: Đường ăn có thuộc tính là: Thê kết tinh, màu trắng, tan trong nước, có vị ngọt...

- **Lượng:** tính quy định vốn có của sự vật, biểu thị quy mô, tốc độ vận động, phát triển của sự vật cũng như của các thuộc tính (chất) của nó.

VD: Khi ta nói đến lượng nguyên tố hóa học trong một phân tử nước là H_2O nghĩa là gồm hai nguyên tử hiđro và một nguyên tử oxi.

- **Độ:** giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm chất thay đổi căn bản.
- **Điểm nút:** mốc (/giới hạn) mà sự thay đổi về lượng vượt qua nó sẽ làm chất thay đổi căn bản.

- **Bước nhảy:**

- + Là sự chuyển hóa về chất do những thay đổi về lượng trước đó gây ra;
- + Là giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của sự vật, nó gắn liền với việc giải quyết mâu thuẫn & phủ định biện chứng.
- + Tồn tại khách quan, phổ biến, đa dạng:
 - ✓ BN toàn bộ & BN cục bộ;
 - ✓ BN đột biến & BN dần dần;
 - ✓ BN tự nhiên, BN xã hội & BN tư duy.

***Nội dung quy luật:**

- ◆ Mọi sự vật đều được đặc trưng bằng sự thống nhất giữa chất & lượng.
- ◆ Sự vật bắt đầu vận động, phát triển bằng sự thay đổi về lượng, nếu lượng thay đổi trong độ, chưa vượt quá điểm nút thì chất không thay đổi căn bản; khi lượng thay đổi vượt qua độ, quá điểm nút thì chất sẽ thay đổi căn bản, bước nhảy xảy ra.
- ◆ Bước nhảy làm chất thay đổi (gián đoạn, đột biến), chất cũ mất đi, chất mới ra đời; chất mới gây ra sự thay đổi về lượng (quy mô tồn tại, tốc độ, nhịp điệu VD, PT của SV).
- ◆ Sự thay đổi về lượng gây ra sự thay đổi về chất; sự thay đổi về chất gây ra sự thay đổi về lượng là phương thức vận động, phát triển của sự vật trong thế giới; Phát triển vừa mang tính liên tục vừa mang tính gián đoạn.

VD: “Phú quý sinh lễ nghĩa” hay “Cái khó ló cái khôn”

*** Ý nghĩa phương pháp luận:**

- Trong nhận thức và thực tiễn phải tích lũy về lượng để có biến đổi về chất, không được nôn nóng cũng như không được bảo thủ.
- Khi lượng đã đạt tới điểm nút thì thực hiện bước nhảy là yêu cầu khách quan của sự vận động của sự vật, hiện tượng vì vậy tránh chủ quan nóng vội đốt cháy giai đoạn hoặc bảo thủ, thụ động.
- Phải có thái độ khách quan khoa học và quyết tâm thực hiện bước nhảy; trong lĩnh vực xã hội phải chú ý đến điều kiện chủ quan.
- Phải nhận thức được phương thức liên kết giữa các yếu tố tạo thành sự vật, hiện tượng để lựa chọn phương pháp phù hợp.

VD: để có thể tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy đủ số lượng các tín chỉ môn học; để môn học có kết quả tốt, sinh viên phải tích lũy đủ số lượng tiết của các môn học.

CÂU 7: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-lênin về quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Nêu ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này: (Chương 2 page 119)

*** Khái niệm của quy luật:**

- **Mặt đối lập** là khái niệm dùng để chỉ những mặt, những khuynh hướng vận động trái ngược nhau, nhưng là điều kiện, tiền đề tồn tại của nhau.
VD: Trong thực vật có hai quá trình quang hợp và hô hấp,... Trong một lớp học, các mặt đối lập là hoạt động đoàn kết để cả lớp cùng lớn mạnh và hoạt động cạnh tranh để trở thành sinh viên giỏi nhất lớp.
- **Mâu thuẫn biện chứng** là khái niệm dùng để chỉ sự liên hệ, tác động theo cách vừa thống nhất, vừa đấu tranh; vừa đòi hỏi, vừa loại trừ, vừa chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập.
VD: Nhân vật phản diện và chính diện tồn tại thống nhất và đấu tranh lẫn nhau trong tác phẩm nghệ thuật. Mối quan hệ qua lại giữa sản xuất và tiêu dùng trong hoạt động kinh tế xã hội,...

*** Nội dung của quy luật:**

Mọi đối tượng đều bao gồm những mặt, những khuynh hướng, lực lượng ... đối lập nhau tạo thành những mâu thuẫn trong chính nó; sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập này là nguyên nhân, động lực bên trong của sự vận động và phát triển, làm cho cái cũ mất đi và cái mới ra đời. Bởi vậy, sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng là tự thân.

VD: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội phong kiến đấu tranh chuyển hóa lẫn nhau để hình thành quan hệ sản xuất mới là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới cao hơn về trình độ.

VD: Trong hoạt động kinh tế thì sản xuất và tiêu dùng sẽ phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau. Sản xuất chính là việc tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu

của người tiêu dùng. Còn tiêu dùng là mục đích cuối cùng của việc sản xuất, tất cả những sản phẩm được sản xuất ra đều cần có người tiêu dùng.

*** Ý nghĩa phương pháp luận:**

- Thừa nhận tính khách quan của mâu thuẫn trong sự vật, hiện tượng; từ đó giải quyết mâu thuẫn phải tuân theo quy luật, điều kiện khách quan. Muốn phát hiện mâu thuẫn cần tìm ra thể thống nhất của các mặt đối lập trong sự vật, hiện tượng.
- Khi phân tích mâu thuẫn, ta phải xem xét quá trình phát sinh, phát triển của từng mâu thuẫn. Ta phải xem xét vai trò, vị trí và mối quan hệ lẫn nhau của các mâu thuẫn và điều kiện chuyển hóa giữa chúng, tránh rập khuôn, máy móc.
- Nắm vững nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn bằng đấu tranh giữa các mặt đối lập, không điều hòa mâu thuẫn cũng không nóng vội hay bảo thủ.

VD: Sinh viên cần có thái độ tự giác, chủ động và linh hoạt tìm hiểu những kiến thức bên ngoài sách vở. Tham gia các hoạt động ngoại khóa, đi thực tập để tích lũy thêm kinh nghiệm và kiến thức cho công việc trong tương lai của mình. Việc nghiên cứu lý thuyết phải liên hệ thực tiễn, học đi đôi với hành.

CÂU 8: Anh (chị) hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về quy luật phủ định của phủ định. Nêu ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này: (Chương 2 page 123, 125)

*** Khái niệm về quy luật:**

- **Phủ định:** là sự thay thế bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển.
- **Phủ định biện chứng:** là phạm trù triết học dùng để chỉ phủ định tự thân, là mắt khâu của quá trình dẫn đến ra đời sự vật mới, tiến bộ hơn sự vật cũ.

VD: Vòng đời của con tằm: trứng – tằm – nhộng – ngài – trứng. Ở đây vòng đời của tằm trải qua bốn lần phủ định.

*** Tính chất của quy luật:**

- **Tính khách quan:** sự vật, hiện tượng tự phủ định mình do mâu thuẫn bên trong nó gây ra.

VD: trong thực tế sự vật phải qua nhiều lần mới kết thúc một chu kỳ phủ định của phủ định như nuôi tằm: Trứng => Tằm => Kén => Sâu.

- **Tính kế thừa:** loại bỏ các yếu tố không phù hợp và cải tạo các yếu tố của sự vật, hiện tượng cũ còn phù hợp để đưa vào sự vật, hiện tượng mới.

VD:

*** Nội dung của quy luật:**

- Phủ định biện chứng là khái niệm dùng để chỉ sự phủ định là tiền đề, tạo điều kiện cho sự phát triển.

- Phủ định biện chứng làm cho sự vật, hiện tượng mới ra đời thay thế sự vật, hiện tượng cũ và là yếu tố liên hệ giữa sự vật, hiện tượng cũ với sự vật, hiện tượng mới.
- Phủ định biện chứng là tự phủ định, tự phát triển của sự vật, hiện tượng; là “mắt xích” trong “sợi dây chuyền” dẫn đến sự ra đời của sự vật, hiện tượng mới, tiến bộ hơn so với sự vật, hiện tượng cũ.

VD: Một quả trứng là sự khẳng định ban đầu (trong điều kiện được ấp). Phủ định lần 1 tạo ra gà mái con. Sau đó phủ định lần 2 (gà mái con lớn lên) sinh ra nhiều quả trứng.

*** Ý nghĩa phương pháp luận:**

+ Khuyến hướng tiến lên của sự vận động của sự vật, hiện tượng; sự thống nhất giữa tính tiến bộ và tính kế thừa của sự phát triển; kết quả của sự phát triển.

+ Nhận thức đúng đắn về xu hướng phát triển là quá trình quanh co, phức tạp theo các chu kỳ phủ định của phủ định.

+ Cần nhận thức đầy đủ hơn về sự vật, hiện tượng mới, ra đời phù hợp với quy luật phát triển.

+ Phải biết phát hiện, ủng hộ và đấu tranh cho thắng lợi của cái mới, khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, giáo điều, kế thừa có chọn lọc và cải tạo trong phủ định biện chứng.

+ Chống lại quan điểm phủ định hoàn toàn cái cũ

VD: Học tiếng anh để có thể hội nhập tốt hơn.

CÂU 9: Anh (chị) hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Nêu ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu vấn đề này. (Chương 2 page 129, 132)

*** Khái niệm:**

- **Thực tiễn:** là toàn bộ hoạt động vật chất-cảm tính có tính lịch sử-xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ.

VD: Hoạt động lao động của công nhân trong nhà máy tác động vào máy móc trên những dây chuyền sản phẩm để tạo ra những sản phẩm đưa ra thị trường phục vụ con người...

- **Nhận thức:** là một quá trình phản ánh được tính tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc của con người dựa trên cơ sở thực tiễn. Qua đó nhằm mục đích sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan.

VD: Khi chúng ta nhìn thấy một đĩa chanh, tự nhiên chúng ta ứa nước miếng dù chưa ăn.

*** Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:**

- **Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:**

+ **Cơ sở:** Thực tiễn là điểm xuất phát trực tiếp của nhận thức, thực tiễn cung cấp vật liệu cho nhận thức, là cơ sở để hình thành sự hiểu biết của con người.

VD: Để đáp ứng nhu cầu mua nhu yếu phẩm tại nhà cho mọi người, các dịch vụ chuyển đồ ăn nhanh đã ra đời hàng loạt có thể kể đến là shopee food, baemin,...

+ **Động lực:** Nhu cầu tất yếu khách quan của con người là phải giải thích và cải tạo thế giới, thực tiễn đề ra yêu cầu, nhiệm vụ đòi hỏi các nhà lý luận phải giải quyết để trên cơ sở đó thúc đẩy nhận thức phát triển.

VD: Nước sôi ở nhiệt độ 100 độ C.

- **Thực tiễn là mục đích của nhận thức:** Mục đích cuối cùng của nhận thức là giúp con người trong hoạt động biến đổi thế giới cải tạo hiện thực khách quan nhằm phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người và xã hội loài người. **VD:** Để giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, mọi người đã tạo ra cửa cách âm, tường cách âm hoặc các vật liệu cách âm, ...
- **Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý:** kiểm tra tính chân lý của quá trình nhận thức, là thước đo đánh giá giá trị, ý nghĩa, kết quả của nhận thức; đồng thời bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

VD: Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

*** Ý nghĩa phương pháp luận:**

- Xây dựng quan điểm thực tiễn đúng đắn: Phải coi trọng thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn. Mọi nhận thức lý luận phải xuất phát từ thực tiễn và lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn để kiểm tra nhận thức lý luận (kiểm tra chân lý).
- Phê phán mọi biểu hiện xem nhẹ thực tiễn, tách rời lý luận với thực tiễn (sẽ rơi vào lý luận suông), chống chủ nghĩa giáo điều hoặc chủ nghĩa kinh nghiệm thuần túy (tuyệt đối hóa thực tiễn mà xem nhẹ lý luận, sẽ rơi vào trường hợp **VD:** Không nên quá chú trọng đến sách vở dẫn đến xa rời thực tế cuộc sống.

CÂU 10: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nêu ý nghĩa của quy luật này trong đời sống xã hội. (Chương 3 page 147)

*** Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất:**

- **Lực lượng sản xuất:** là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, tạo ra sức sản xuất và năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

VD: Một nhà máy sản xuất ô tô. Lực lượng sản xuất gồm: tư liệu sản xuất (máy móc, dây chuyền lắp ráp, nguyên liệu và linh kiện), người lao động (công nhân, kỹ sư, kỹ thuật viên).

- **Quan hệ sản xuất:** là tổng hợp các quan hệ kinh tế-vật chất giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất. Bao gồm: QH về sở hữu TLSX (giữ vai trò quyết định), QH trong việc tổ chức và quản lý SX, QH trong việc phân phối sản phẩm SX ra.

VD: Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất: Nhà máy ô tô có thể thuộc sở hữu của một công ty đa quốc gia, trong đó công ty là chủ sở hữu của nhà máy, máy móc, nguyên liệu và linh kiện.

*** Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:** là quy luật cơ bản nhất, phổ biến nhất chi phối sự vận động, phát triển của xã hội. Trong đó LLSX quyết định QHSX, QHSX tác động trở lại to lớn đối với LLSX.

- **Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất:**

+ Tương ứng với một trình độ nhất định của LLSX tất yếu đòi hỏi phải thiết lập một QHSX phù hợp với trình độ đó trên cả ba mặt của nó.

+ Do yêu cầu phát triển khách quan của sản xuất vật chất, lực lượng sản xuất luôn luôn vận động và phát triển lên trình độ cao hơn bắt buộc quan hệ sản xuất cũng phải biến đổi cho phù hợp, tạo động lực cho lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển.

+ Song LLSX thường phát triển nhanh hơn còn QHSX thường chậm thay đổi hơn. Sự phát triển của LLSX đến một trình độ nhất định sẽ mâu thuẫn gay gắt với QHSX hiện có làm xuất hiện yêu cầu phải phá bỏ QHSX lỗi thời so với trình độ của nó, thay thế bằng một QHSX mới phù hợp.

VD: Ở thời kỳ nguyên thủy trình độ con người thấp, công cụ lao động thô sơ, năng suất sản xuất thấp nên QHSX lúc đó là công hữu về tư liệu sản xuất quản lý công xã phân phối sản phẩm bình đẳng cho mọi người. Còn ở thời nay con người ngày càng phát triển về kỹ năng, tri thức nên công cụ lao động ngày càng tiên tiến, năng suất lao động tăng cao. Nên quan hệ sản xuất cũng thay đổi để phù hợp với lực lượng sản xuất như là có thêm nhiều hình thức sở hữu TLSX có thể quản lý phân phối sản phẩm theo khả năng lao động của con người.

- **Quan hệ sản xuất tác động lại lực lượng sản xuất:**

+ QHSX là hình thức xã hội mà LLSX dựa vào đó để phát triển: quan hệ sản xuất quy định mục đích, cách thức sản xuất và phân phối sản phẩm lao động, trực tiếp ảnh hưởng tới thái độ của người lao động, tới năng suất, chất lượng, hiệu quả của quá trình sản xuất và cải tiến công cụ lao động.

+ Sự tác động của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy khi phù hợp hoặc kìm hãm khi không phù hợp. Sự kìm hãm có thể do quan hệ sản xuất lạc hậu hơn hoặc có những yếu tố vượt trước trình độ của lực lượng sản xuất hiện có.

VD: Trong một công ty, nếu người quản lý có thể đưa ra hình thức tổ chức phù hợp, sản xuất hiệu quả và đảm bảo được lợi ích của người lao động. thì điều đó sẽ kích thích người lao động phát huy hết khả năng từ đó tăng năng suất, cải thiện đời sống và ổn định xã hội. Còn nếu không phù hợp thì sẽ ngược lại

*** Ý nghĩa của quy luật này trong đời sống xã hội:**

- Nắm bắt quan điểm, hoạch định đường lối, chính sách, là cơ sở khoa học để nhận thức rõ sự đổi mới trong tư duy kinh tế của Đảng và Nhà nước ta.
- Khi có xuất hiện mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với sự lạc hậu của quan hệ sản xuất thì cần phải có những cuộc cải cách, đổi mới mà cao hơn là một cuộc cách mạng chính trị để có thể giải quyết được mâu thuẫn, từ đó từng bước khôi phục, tạo lập sự phù hợp giữa chúng.
- Tuân thủ tính tất yếu kinh tế, yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế, chống tùy tiện, chủ quan, duy tâm, duy ý chí.

CÂU 11: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nêu ý nghĩa của quy luật này trong đời sống xã hội. (Chương 3 page 150)

*** Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:**

- **Cơ sở hạ tầng:** là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội. Cấu trúc của cơ sở hạ tầng: quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư và quan hệ sản xuất mầm mống, trong đó, quan hệ sản xuất thống trị đặc trưng cho cơ sở hạ tầng của xã hội đó.

VD:

- **Kiến trúc thượng tầng:** là toàn bộ những hình thái ý thức xã hội và các thiết chế chính trị - xã hội tương ứng, được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

VD: Chính trị, pháp luật, đạo đức, nhà nước, đảng phái,...

*** Môi quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT:**

- **Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng:**
 - + Cơ sở hạ tầng nào thì sẽ sản sinh ra kiến trúc thượng tầng phù hợp, bảo vệ cơ sở hạ tầng đó.
 - + Trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào chiếm vị trí thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị về đời sống chính trị. Nghĩa là, quan hệ sản xuất nào thống trị thì sinh ra kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng.

+ Mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế, xét đến cùng nó sẽ quyết định mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng.

+ Tất cả các yếu tố của kiến trúc thượng tầng đều trực tiếp hay gián tiếp phụ thuộc vào CSHT do cơ sở hạ tầng quyết định.

+ Sự thay đổi cơ sở hạ tầng dẫn đến sự thay đổi KTTT diễn ra rất phức tạp.

+ CSHT cũ mất đi, CSHT mới ra đời thì KTTT cũ cũng mất đi để một KTTT mới ra đời, tuy nhiên, đây là một quá trình phức tạp và lâu dài.

VD: Cơ chế thị trường (cơ sở hạ tầng) thì tương ứng với nó là Nhà nước năng động, hoạt động có hiệu quả (kiến trúc thượng tầng)

- **Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng:**

+ KTTT có tính độc lập tương đối trong quá trình vận động và phát triển của CSHT. Sự tác động trở lại của KTTT đối với CSHT thể hiện chức năng xã hội của nó là bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển CSHT sinh ra nó; đấu tranh xóa bỏ CSHT và KTTT cũ, ngăn chặn sự ra đời của CSHT và KTTT mới...

+ Các yếu tố của KTTT tác động trở lại CSHT trực tiếp hoặc gián tiếp, trong đó nhà nước là yếu tố có tác động **trực tiếp nhất và mạnh mẽ nhất** đối với CSHT.

+ Sự tác động của KTTT đối với CSHT diễn ra theo 2 hướng:

- Khi kiến trúc thượng tầng phù hợp với quy luật kinh tế khách quan sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Khi kiến trúc thượng tầng không phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan sẽ kìm hãm sự phát triển của kinh tế.

VD: Nhà nước còn ban hành nhiều chỉ đạo về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu vật tư ngành y tế, xuất khẩu gạo...vv

*** Ý nghĩa của quy luật này trong đời sống xã hội:**

- Là cơ sở khoa học cho việc nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.
- Kinh tế và chính trị tác động biện chứng, trong đó kinh tế tác động chính trị, chính trị tác động trở lại to lớn, mạnh mẽ đối với kinh tế.
- Thực chất vai trò của kiến trúc thượng tầng là vai trò hoạt động tự giác tích cực của các giai cấp, đảng phái vì lợi ích kinh tế. Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng trước hết và chủ yếu thông qua đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước.

Câu 12: Anh chị hãy giải thích quan điểm sau: Sự phát triển của hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên. Nêu giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội. (Chương 3 page 156)

*** Phạm trù hình thái kinh tế-xã hội:** là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản

xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy. Gồm 3 yếu tố cơ bản: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

*** Sự phát triển của hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên:**

- Sự vận động và phát triển của xã hội không tuân theo ý chí chủ quan của con người mà tuân theo các quy luật khách quan, đó là các quy luật của chính bản thân cấu trúc hình thái kinh tế – xã hội, là hệ thống các quy luật xã hội thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học,... Trong đó, quan trọng và cơ bản nhất là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quy luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng.
- Nguồn gốc của mọi sự vận động, phát triển của xã hội, của lịch sử nhân loại, của mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa,... của xã hội suy đến cùng, xét đến cùng đều có nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp từ sự phát triển của lực lượng sản xuất của xã hội.
- Quá trình phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội, tức là quá trình thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế – xã hội trong lịch sử nhân loại và đó là sự phát triển của lịch sử xã hội loài người, có thể do sự tác động của nhiều nhân tố chủ quan, những nhân tố giữ vai trò quyết định chính là sự tác động của các quy luật khách quan.

***Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng:**

- Lý luận hình thái kinh tế - xã hội ra đời đem lại một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử xã hội. Đây là biểu hiện tập trung của quan niệm duy vật biện chứng về lịch sử xã hội, bác bỏ quan niệm trừu tượng, duy vật tầm thường, duy tâm, phi lịch sử về xã hội trước đó, trở thành cơ sở phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sự phân tích lịch sử xã hội.
- Lý luận hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ ra động lực phát triển của lịch sử xã hội là do hoạt động thực tiễn của con người, trước hết là thực tiễn sản xuất vật chất dưới sự tác động của các quy luật khách quan. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải nhận thức và tác động cả ba yếu tố cơ bản: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (cơ sở hạ tầng) và kiến trúc thượng tầng. Xem nhẹ hoặc tuyệt đối hóa một yếu tố nào cũng sai lầm, xét đến cùng là bắt đầu từ việc xây dựng, phát triển lực lượng sản xuất.
- Lý luận hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học cho việc xác định con đường phát triển của Việt Nam đó là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

CÂU 13: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về tính độc lập tương đối của ý thức xã hội trong mối quan hệ với tồn tại xã hội. Nêu ý nghĩa của vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. (.....)

*** Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội:**

- **Tồn tại xã hội:** là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Gồm các yếu tố cơ bản: Phương thức SX-VC (yếu tố cơ bản nhất), điều kiện tự nhiên – hoàn cảnh địa lý, điều kiện dân cư.

VD: Thời tiền sử là thời đại Việt Nam được tính từ tính từ khi con người bắt đầu có mặt trên lãnh thổ Việt Nam cho tới khoảng thế kỷ I trước công nguyên.

- **Ý thức xã hội:** là mặt tinh thần của đời sống xã hội, là bộ phận hợp thành của văn hóa tinh thần của xã hội. Nảy sinh từ TTXH và phản ánh TTXH ở một giai đoạn phát triển nhất định. Mối quan hệ giữa ý thức xã hội với ý thức cá nhân.

VD: Ý thức xã hội điển hình của dân tộc và nhân dân Việt Nam là truyền thống yêu nước, nhân đạo nhân nghĩa, cần cù, chăm chỉ với truyền thống hiếu học được truyền từ đời này sang đời khác.

*** Tính độc lập tương đối của YTXH:**

- **YTXH thường lạc hậu so với TTXH:** TTXH cũ đã mất nhưng một số yếu tố YTXH do nó sinh ra vẫn tồn tại, vì:
 - + Do TTXH thường biến đổi nhanh hơn nên YTXH ko phản ánh kịp và trở nên lạc hậu.
 - + Sức ỳ rất lớn của thói quen, tập quán, truyền thống...
 - + Nhằm bảo vệ lợi ích của mình, chống lại lực lượng tiến bộ mà các lực lượng bảo thủ lưu giữ, truyền bá tư tưởng lạc hậu.

VD: Ý thức tư tưởng phong kiến như “Trọng nam khinh nữ”, “gia trưởng” đã không còn phù hợp với xu thế hiện nay.

- **YTXH có thể phản ánh vượt trước TTXH:** Trong điều kiện nhất định, tư tưởng KH, quan điểm CM... có thể phản ánh vượt trước sự phát triển của TTXH, đề dự báo, hướng dẫn hoạt động thực tiễn CN.

VD: Ngay từ khi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đang ở trong thời kỳ phát triển tự do cạnh tranh, C.Mác đã dự báo quan hệ sản xuất đó nhất định sẽ bị quan hệ sản xuất tiến bộ hơn thay thế.

- **YTXH có tính kế thừa trong sự phát triển:** Các giai cấp khác nhau kế thừa những nội dung YTXH khác nhau, thông thường:
 - + Các giai cấp tiên bộ kế thừa những di sản tinh thần tiên bộ, những truyền thống tốt đẹp của XH cũ để lại.
 - + Các giai cấp bảo thủ khôi phục những tư tưởng phản động để phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình.

VD: Hay ở Việt Nam với tư tưởng lấy “Dân làm gốc” mà Hồ Chí Minh đã có câu: “Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.
- **YTXH tác động lẫn nhau trong quá trình phát triển của chúng.** Ở mỗi thời đại nhất định, tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà một hay vài hình thái YTXH nào đó sẽ nổi lên hàng đầu và tác động mạnh đến sự vận động thay đổi của các hình thái còn lại.

VD: Trong giáo dục luôn đề cao đạo đức mà đạo đức thường là chuẩn mực ứng xử của xã hội.

*** Ý nghĩa của vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.**

- Đầu tiên là cần nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân và cả xã hội về việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
- Thứ hai là xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
- Giáo dục có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và xã hội vì thế biện pháp tiếp theo là tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.
- Thứ tư là xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh.

CÂU 14: Anh chị hãy trình bày quan điểm của triết học Mác-Lênin về con người và bản chất của con người. Nêu ý nghĩa của vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. (Chương 3 page 224)

*** Quan điểm về con người:** CN là một thực thể tự nhiên - xã hội

- **CN là một thực thể tự nhiên** (phương diện tự nhiên):
 - + CN là kết quả tiến hóa lâu dài của GTN, sống dựa vào GTN.
 - + CN có các đặc điểm SH, trải qua các giai đoạn phát triển SH & bị chi phối bởi các quy luật SH.
 - + Để tồn tại, phát triển bình thường, trước hết CN phải được thỏa mãn những nhu cầu SH.
- **CN là một thực thể xã hội** (phương diện xã hội):
 - + Lao động là cơ sở ra đời, tồn tại & phát triển của CN (XH loài người):
 - LĐ chi phối sự hình thành các đặc điểm XH của CN, tạo ra các QHXX để CN tồn tại.

- LD là cơ sở cho sự xuất hiện và tác động của các quy luật XH.
- + CN là một sinh thể biết lao động; thông qua hoạt động lao động, các đặc điểm, bản chất XH của CN được hình thành, thể hiện và bị chi phối bởi các quy luật XH.
- + Để phát triển bình thường, CN phải được thỏa mãn những nhu cầu XH.
- **CN là một sinh thể xã hội có đời sống tinh thần** (tư duy-ý thức)
 - + CN mang các đặc điểm TL-YT, phải trải qua các giai đoạn phát triển TL-YT và bị chi phối bởi các quy luật TL-YT.
 - + Để phát triển bình thường CN phải được thỏa mãn những nhu cầu tinh thần.
- Trong CN, các phương diện, các nhu cầu, các quy luật thống nhất với nhau, trong đó:
 - + Mặt sinh học là cơ sở tự nhiên tất yếu của CN; mặt XH là đặc trưng bản chất để phân biệt CN với loài vật.
 - + Nhu cầu SH được XH hóa; nhu cầu XH gắn liền với nhu cầu SH; nhu cầu TT được hình thành, nảy nở trên cơ sở nhu cầu VC.
 - + Quy luật XH giữ vai trò chi phối quy luật SH và quy luật TL-YT, chúng là cơ sở hợp thành bản chất CN.

*** Bản chất con người:**

- Bản chất con người luôn được hình thành và thể hiện ở những con người hiện thực, cụ thể trong những điều kiện lịch sử cụ thể
- Tất cả các quan hệ xã hội đều góp phần hình thành bản chất con người, yếu tố quyết định nhất là QHSX.
- Các quan hệ xã hội thay đổi thì ít hoặc nhiều, sớm hoặc muộn, bản chất con người cũng sẽ thay đổi theo. Trong các quan hệ xã hội cụ thể xác định, con người mới có thể bộc lộ được bản chất thực sự của mình, và cũng trong những quan hệ xã hội đó thì bản chất người của con người mới được phát triển.

*** Ý nghĩa của vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay:**

- Do nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của vấn đề con người đặc biệt là vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay. Đảng ta đã và đang xây dựng và phát triển đất nước toàn diện về nhiều mặt đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, nó phụ thuộc rất nhiều vào nhiều chiến lược con người: Cần đào tạo con người một cách có chiều sâu lấy tư tưởng và chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, cũng như trên thế giới ở nước ta chiến lược con người nó có một ý nghĩa hết sức quan trọng và để phát triển đúng hướng chiến lược đó cần có một chính sách phát triển con người, không để con người đi lệch tư tưởng.

- Do đó, Đảng ta cũng đã có những đổi mới rõ rệt, sự phát triển hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, sự phân hoá giàu nghèo sự phân tầng xã hội, việc mở rộng dân chủ đối thoại trong sinh hoạt chính trị của đất nước, việc mở cửa và phát triển giao lưu quốc tế về các mặt kinh tế, văn hoá và chính trị, trên thế giới. Sự biến đổi nhanh chóng của tình hình chính trị quốc tế, sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ... Điều đó đòi hỏi chúng ta phải biết vận dụng chủ nghĩa Mác một cách khoa học, hợp lý và sáng tạo để đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội mới nếu muốn tồn tại và vươn lên một tầm cao mới.